

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/DS-ST

Ngày: 08 – 12 – 2021

“V/v tranh chấp nợ hui và vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Bạch Vân**

2. Ông **Trương Công Út**

- Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2021/TLST-DS Ngày 21 tháng 5 năm 2021: “*Tranh chấp nợ hui và vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp C, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: 1/ Bà **Cam Thị Thu Th** – sinh năm 1969 (có mặt)

2/ Ông **Trần Trọng N** – sinh năm 1969 (chồng bà Th), (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp C, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Thị Mỹ L** – sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Vào năm 2019 bà T có làm chủ hội, bà Cam Thị Thu T có tham gia góp vốn và hót hội cụ thể như sau:

- Ngày 01/8/2019 âm lịch bà T khai dây hội có lãi 15 ngày góp một lần, mỗi lần góp 2.000.000đ, có 32 người góp vốn, bà Th và bà Thị Mỹ L cùng nhau tham gia chơi chung 01 chân hội, ngày 15/9/2021 âm lịch bà Th bỏ 600.000đ để hót hội, được số tiền: 03 phần hội sống x 2.000.000đ = 6.000.000đ, 29 phần hội chết x 1.400.000đ = 40.600.000đ tổng cộng hót được 46.600.000đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó bà Th và bà L lấy mỗi người $\frac{1}{2}$ = 23.300.000đ, đầu thảo 1.500.000đ.

- Ngày 05/8/2019 âm lịch bà T khai dây hội 500.000đ có 50 phần vốn góp bà Th chơi 01 phần, bỏ hội 160.000đ được hót đầu tiên với số tiền 340.000đ x 50 phần = 17.000.000đ, đầu thảo 400.000đ.

Tổng số tiền bà Th hót 02 chân hội là 30.300.000đ sau đó bà Th có đóng hội chết nhưng lúc đóng lúc không bà T phải bỏ tiền ra đóng hội chết cho bà Th nhiều lần đến ngày 30/9/2020 hai bên cộng sổ bà Th làm biên nhận có nợ bà T số tiền hội tổng cộng là 35.000.000đ.

Ngoài ra bà Th còn vay của bà T số tiền 15.000.000đ tổng cộng nợ hội và nợ vay bà Th còn nợ bà T 50.000.000đ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà Cam Thị Thu Th và ông Trần Trọng N trả lại cho bà số tiền hội và tiền vay tổng cộng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Số tiền bà Th vay là bà T vay của người khác giùm cho bà Th nhưng đó là quan hệ pháp luật giữa bà với bên kia nên không yêu cầu Tòa án xem xét đưa người cho vay tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ hội 25.600.000đ và tiền vay 5.000.000đ tính lãi khoản tiền vay theo quy định từ ngày 30/9/2020 đến nay.

Bị đơn bà Cam Thị Thu Th trình bày: Bà Th có tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị T làm chủ, bà hùn vốn với bà Thị Mỹ L chơi tham gia chơi 01 chân hội 2.000.000đ, mỗi tháng khai hai lần, dây hội đã mãn, còn nợ lại 08 lần hội chết chưa đóng cho bà T bằng 8.000.000đ.

Ngoài ra bà Th còn tham gia chơi dây hội 500.000đ/tháng cũng do bà T làm chủ, chơi 01 chân hội bà đã hót, dây hội đã mãn, hiện bà còn nợ lại 12 lần hội chết

chưa đóng cho bà T bằng 6.000.000đ.

Bên cạnh đó bà Th cũng có vay 5.000.000đ của bà T lãi 30%/tháng bà Th đã đóng lãi nhiều lần nhưng không nhớ bao nhiêu, bà Th thiếu một thời gian không đóng lãi thì bà T kê thêm tiền lãi thành 15.000.000đ nhưng thực tế số tiền vay gốc chỉ có 5.000.000đ.

Khi bà Th giao dịch với bà T là giấu không cho chồng bà Th là ông N biết, sự việc mâu thuẫn như ngày hôm nay là do bà T cho chồng bà Th biết việc chơi hụi và vay tiền trên dẫn đến gia đình bà Th mâu thuẫn, bà T có hành vi chửi mắng bà Th, lấy chệt, lấy xe của gia đình bà Th làm lớn chuyện làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình bà chứ chồng bà là ông N không liên quan đến giao dịch giữa bà với bà T nên bà Th mới không trả tiền cho bà T.

Tóm lại bà Th chỉ còn nợ bà T 01 chân hụi 8.000.000đ; 01 chân hụi 6.000.000đ và tiền vay là 5.000.000đ. Đối với chứng cứ bà T cung cấp là 01 biên nhận ngày 30/9/2020 là bà T đưa tờ giấy trắng kêu bà Th ký tên, bà Th nói là nợ gốc 14.000.000đ thêm tiền lãi thành 35.000.000đ để mỗi tháng bà Th trả cho bà T 3.000.000đ nhưng bà Th không có tiền đóng nên mới dẫn đến chuyện lấy xe, lấy chệt và mâu thuẫn như hôm nay. Trong 5.000.000đ tiền vay (tiền đúng) thì thực tế bà T đã trừ đi tiền nợ còn lại 2.500.000đ sau đó bà Th chia lại cho bà L 1.000.000đ.

Tại phiên tòa bà Th thừa nhận nợ hụi 14.000.000đ và thống nhất với bà T tiền vay 5.000.000đ và tính lãi từ 30/9/2020 đến nay.

Ông Trần Trọng N trình bày: Ông không biết việc vợ ông là bà Th chơi hụi và vay tiền của bà T nên bà T khởi kiện ông là đồng bị đơn thì ông không đồng ý, ông yêu cầu Tòa án không ràng buộc trách nhiệm của ông trong vụ án này và trả lại sự công bằng cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị Mỹ L trình bày tại bản tự khai ngày 26/5/2021 như sau:

Vào ngày 01/8/2019 âm lịch bà có tham gia chơi hụi của bà Nguyễn Thị T chân hụi 2.000.000đ do bà T làm chủ hụi có 32 người chơi. Trong đó bà và bà Cam Thị Thu Th chơi chung 01 chân hụi. Sau đó bà Th bỏ hụi 600.000đ và hốt được 46.600.000đ bà Th lấy $\frac{1}{2}$ là 23.300.000đ, bà lấy 23.300.000đ, sau đó cả 02 đóng hụi chết lại cho bà T hiện nay chân hụi đã mãn bà đã đóng xong nửa chân hụi của mình còn bà Th đã đóng xong chưa thì bà không biết.

Nay bà T khởi kiện bà Th và ông N thì nghĩa vụ trả nợ như thế nào là chuyện của bà T và ông N, bà L không có liên quan.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đó buộc ông N và bà Th có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà T số tiền hui là 25.600.000đ và tiền vay là 5.000.000đ tính lãi vay từ 30/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do rút một phần yêu cầu. Đề nghị tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-BPBDCTT ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương về việc phong tỏa số tiền 50.000.000 đồng trong tổng số tiền 209.993.472 đồng theo Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương mà ông Trần Trọng N được nhận từ tiền được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Vững quay luồng vào Kênh Cái Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bà Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trần Trọng Nghĩa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp về nợ hui và vay tài sản nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T buộc bị đơn bà Cam Thị Thu Th trả số tiền hui còn nợ là 25.600.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Bà Th thừa nhận có tham gia chơi 02 chân hui của bà T làm chủ như bà T đã trình bày, 01 chân hui 2.000.000đ mở ngày 01/8/2019 âm lịch có 32 người góp vốn (bà Th, bà Thị Mỹ L cùng nhau tham gia chơi chung 01 chân hui) bà Th bỏ 600.000đ hót được: 03 phần hui sống x 2.000.000đ = 6.000.000đ, 29 phần hui chết x 1.400.000đ = 40.600.000đ tổng cộng hót được 46.600.000đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó bà Th và bà L mỗi người lấy $\frac{1}{2}$ số tiền hui hót được 23.300.000đ.

Ngày 05/8/2019 âm lịch bà T khai đây hội 500.000đ có 50 phần vốn góp bà Th chơi 01 phần bỏ hội 160.000đ được hót đầu với số tiền 340.000đ x 50 phần = 17.000.000đ.

Tổng số tiền bà Th hót 02 chân hội là 30.300.000đ sau đó bà Th có đóng hội chết nhưng không đầy đủ đến ngày 30/9/2020 hai bên cộng sổ thì bà Th ký biên nhận có nợ 35.000.000đ (bút lục số 02A). Tại phiên hòa giải và phiên đối chất ngày 11/6/2021 bà Th đều thừa nhận biên nhận ngày 30/9/2020 là do bà ký tên, tại biên bản hòa giải ngày 03/02/2021 của ấp C, xã K thì bà Th cũng thừa nhận nợ tiền hội 35.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Th chỉ thừa nhận còn nợ tiền hội bà T tổng cộng 14.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh nên buộc bà Th thanh toán 25.600.000đ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vay tổng cộng là 5.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ bà Th thừa nhận có vay của bà T số tiền gốc là 5.000.000đ và tại phiên tòa bà T và bà Th thống nhất số nợ vay 5.000.000đ và tính lãi theo quy định từ ngày 30/9/2020 đến nay là 14 tháng 08 ngày bằng = 1.188.888đ.

Tổng cộng tiền vay và lãi bà Th phải trả cho bà T là 5.000.000đ + 1.188.888đ = 6.188.888đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu tiền hội và tiền vay số tiền 18.211.112đ do bà T rút một phần yêu cầu tiền vay và tiền hội.

Đối với yêu cầu của bà Th về việc xin trả dần số nợ mỗi tháng 1.000.000đ không có cơ sở chấp nhận do nguyên đơn không đồng ý, Bộ luật dân sự không quy định về việc trả dần. Việc thi hành án như thế nào thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của cơ quan thi hành án.

[4] Đối với việc bà T yêu cầu xử buộc cả bà Th và ông Trần Trọng N phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà T là không có căn cứ chấp nhận bởi cả bà T và bà Th đều thừa nhận và thống nhất việc bà Th chơi hội và vay nợ của bà T đều không cho ông N biết, việc bà Th chơi hội và vay nợ là dùng vào mục đích cá nhân của bà Th, hơn nữa không N cũng trình bày là hoàn toàn không biết việc này yêu cầu xem xét, không ràng buộc trách nhiệm của ông trong vụ án này, bên cạnh đó theo các tài liệu và lời trình bày trong hồ sơ vụ án đều không thể hiện ông N có tham gia chơi hội, vay tiền cũng như ông N không có ký tên vào bất cứ giấy tờ gì, do đó trách nhiệm trả nợ là của một mình bà Th.

Dù không buộc ông N có trách nhiệm liên đới trả nợ nhưng cần thiết tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 02/2021/QĐ-BPBDCTT ngày

25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương bởi bà Th là vợ ông N, không có chứng cứ chứng minh phần tiền được bồi thường là tài sản riêng của ông N nên cần thiết phong tỏa để đảm bảo thi hành án.

[5] Kiến nghị UBND xã K thường xuyên kiểm tra và xử lý hành chính đối với các trường hợp chơi hụi không đăng ký theo quy định Điều 14 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biên, phường.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí, bà T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng vào các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Cam Thị Thu Th có nghĩa vụ trả số tiền 31.788.888đ (*Ba mươi một triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám mươi tám đồng*), trong đó số tiền nợ hụi 25.600.000đ, nợ vay là 5.000.000đ và lãi 1.888.888đ cho bà Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu tiền hụi 18.211.112đ do bà T rút một phần yêu cầu tiền vay và tiền hụi.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-BPBDCTT ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương về việc phong tỏa số tiền 50.000.000 đồng trong tổng số tiền 209.993.472 đồng theo Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương mà ông Trần Trọng N được nhận từ tiền được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Vững quay luồng vào Kênh Cái Tre.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bà Cam Thị Thu Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.589.444đ.
- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T 1.250.000đ theo biên lai số 0000409 ngày 21/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

4/ Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/12/2021). Ông Trần Trọng N, bà Thị Mỹ L có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND tænh Kieân Giang;
- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeãn Kieân Lõng;
- Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương;
- Nhõõng ngõõi TGTT;
- Lõu tập àn, hoà sô;
- Lõu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Minh